

Bản án số: 105/2022/DS-PT

Ngày: 04/5/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Ông Vũ Minh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý 376/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh V.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3444/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1944; địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện Y, tỉnh V, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 6 năm 2019): Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn T, xã T1, huyện Y, tỉnh V, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh N và ông Lê Huy Q - Luật sư Công ty luật hợp danh T2, Đoàn luật sư thành phố H1; có mặt luật sư N, vắng mặt luật sư Q.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện Y, tỉnh V, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Ông Vũ Trường H1; Địa chỉ: Số 35 đường P, phường K, thành phố V1, tỉnh V; có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị H2 sinh năm 1965, địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện Y, tỉnh V; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2: Ông Vũ Trường H1; Địa chỉ: Số 35 đường P, phường K, thành phố V1, tỉnh V; có mặt.

3.2. Anh Nguyễn Văn T3 sinh năm 1986, địa chỉ: Khu 3, Thôn T, xã T1, huyện Y, tỉnh V; vắng mặt.

3.3. Anh Nguyễn Văn B sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện Y, tỉnh V; có mặt.

3.4. Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh V; vắng mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Nguyễn Văn K1 sinh năm 1952; vắng mặt.

4.2. Bà Nguyễn Thị C1 sinh năm 1942; vắng mặt.

4.3. Bà Phạm Thị C2 sinh năm 1956; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện Y, tỉnh V.

4.4. Bà Nguyễn Thị M sinh năm 1949; Địa chỉ: Thôn M1, xã T1, huyện Y, tỉnh V; vắng mặt.

4.5. Bà Nguyễn Thị M2 sinh năm 1947; Địa chỉ: Tổ dân phố V2, phường T4, thành phố V1, tỉnh V; vắng mặt.

4.6. Ông Nguyễn Văn N1 sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn L1, xã T1, huyện Y, tỉnh V; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của bố mẹ ông M là cụ Nguyễn Văn L2 và cụ Phạm Thị M3 để lại cho ông M. Từ những năm 1972, ông M có trồng tre, bạch đàn, xà cừ đến năm 2009 thì thu hoạch bạch đàn. Còn lại một số cây bị đổ, một số cây ông Nguyễn Văn L đã chặt hết.

Quá trình sử dụng đất ông M chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình ông vẫn đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước, hiện tại không còn lưu giữ được biên lai đóng thuế nhà đất. Từ năm 1995 đến 2004, ông M đã ra Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T1 xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) nhưng Ủy ban xã nói là đã cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn L mặc dù gia đình ông L vẫn đang ở trên đất của cha ông để lại, phần đất tranh chấp tiếp giáp với đất của gia đình ông L. Trong quá trình sử dụng đất, ông L lấn chiếm thửa đất tranh chấp,

hiện tại gia đình nhà ông L đã được cấp GCNQSDĐ giấy đối với thửa đất tranh chấp. Ông L còn cho con trai là anh Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T3 làm chuồng chim, chuồng lợn trên phần diện tích đất tranh chấp.

Năm 1995 khi được UBND xã T1 thông báo diện tích đang tranh chấp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn L, nhiều lần ông M đến UBND xã T1 để yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, UBND xã có hướng dẫn ông M về hòa giải với gia đình nhà ông L nhưng các bên hòa giải không thành. Khoảng tháng 9, tháng 10 năm 2018, UBND xã T1 mới có biên bản làm việc với hai gia đình, ông M không đồng ý với cách giải quyết của UBND xã T1 nên đã khởi kiện đến Tòa án đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất trên cho gia đình ông M và tuyên hủy Quyết định cấp đất và GCNQSDĐ số E171457 ngày 05 tháng 12 năm 1995 của UBND huyện V3 (nay là UBND huyện Y) tại thửa số 172, tờ bản đồ số 02, diện tích 248m² thuộc thôn T, xã T1, huyện Y đứng tên hộ ông Nguyễn Văn L.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn L và cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2 là ông Vũ Trường H1 thống nhất trình bày: Vào khoảng những năm 1980, 1981 gia đình ông L có thỏa thuận và nhận chuyển nhượng của cụ M3 là người cùng xóm một chiếc ao. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông L đã tiến hành thả cá và sử dụng suốt từ những năm đó đến nay. Vài năm sau đó thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước, gia đình ông L đã gửi hồ sơ và giấy tờ mua bán đến UBND xã T1 để thực hiện thủ tục xin cấp GCNQSDĐ đối với toàn bộ diện tích đất ông L đã nhận chuyển nhượng. Sau khi thẩm định, xem xét hồ sơ, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã cấp cho gia đình ông L GCNQSDĐ số E171457 do UBND huyện V3 (nay là UBND huyện Y), thửa đất 172, tờ bản đồ số 02, diện tích 248m².

Hiện nay ông Nguyễn Văn M khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên là không có căn cứ nên bị đơn không đồng ý. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh V không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T3, anh Nguyễn Văn B trình bày: Các anh nhất trí với lời trình bày của bị đơn đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện. Các anh có xây chuồng lợn và chuồng chim trên đất, nay không có đề nghị gì đối với tài sản trên đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND huyện Y do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ số E171457 do UBND huyện V3 (nay là UBND huyện Y) cấp ngày 05 tháng 12 năm 1995 cho ông Nguyễn Văn L đối với thửa đất 172, tờ bản đồ số 02, diện tích 248m² thuộc thôn T, xã T1, huyện Y đứng tên hộ ông Nguyễn Văn L là đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Hồ sơ cấp GCNQSDĐ năm 1995 của UBND xã T1 không còn lưu ở UBND huyện Y (Năm 1996 huyện Y được tách từ huyện V3 không có biên bản bàn giao hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Hồ sơ địa chính do UBND xã T1 quản lý gồm: Trang số 17, tờ bản đồ 02, dòng thứ 3 sổ mục kê năm 2000 có ghi: Thửa đất số 172, tờ bản đồ 02, diện tích 248m²; chủ sử dụng đất: Nguyễn Văn M, diện tích 248m² trong đó 200m² đất ở và 48m² đất vườn; Sổ cấp GCNQSDĐ số 01, tờ 22, trang 43, có ghi theo số thứ tự 2125, số GCNQSDĐ đất E171457 cấp ngày 15 tháng 12 năm 1995, tên chủ sử dụng : Nguyễn Văn L, thửa đất số 172, tờ bản đồ 02, diện tích 248m²; Bản đồ địa chính số 02 đo đạc tháng 4 năm 1990, đã được UBND xã T1 và ban quản lý ruộng đất huyện V3 duyệt công nhận, có thể hiện thửa đất số 172, tờ bản đồ 02, diện tích 248m² thôn T, xã T1, huyện Y. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh V đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, 34 và 37 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Điều 236, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Điều 26, 166 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Văn L trả lại tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 248m², tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 02, thuộc thôn T, xã T1, huyện Y, tỉnh V và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E171457 ngày 05/12/1995 của UBND huyện V3, tỉnh V (nay là UBND huyện Y, tỉnh V) đối với diện tích 248m², tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 02, thuộc thôn T, xã T1, huyện Y, tỉnh V đứng tên ông Nguyễn Văn L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 12 tháng 10 năm 2020, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 26 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V có quyết định kháng nghị phúc thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội Hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là ông Nguyễn Văn M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lời khai của những người làm chứng là ông N2, ông H3 chứng nhận ông M có trồng tre trên đất tranh chấp; việc UBND xã T1 cho rằng bản đồ

can về (có quy chủ) không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nên không có giá trị là không có cơ sở; tài liệu trong hồ sơ không có căn cứ xác định ông L mua đất của cụ T6. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có ý kiến thể hiện tại thời điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V ban hành kháng nghị là có căn cứ, tuy nhiên những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm đã được Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục do đó việc kháng nghị là không cần thiết, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội rút kháng nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 289, điểm a khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền lợi cho đương sự, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh V công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 172, tờ bản đồ 02, diện tích 248m² tại thôn T, xã T1, huyện Y, tỉnh V và đề nghị Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án nhân dân tỉnh V thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 26; khoản 1, 4 Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn được làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện Y, tỉnh V và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Theo nguyên đơn là ông Nguyễn Văn M, thửa đất đang tranh chấp giữa ông và ông Nguyễn Văn L có nguồn gốc của bố mẹ ông là cụ Nguyễn Văn L2 và cụ Phạm Thị M3 để lại cho ông. Từ những năm 1972, ông trồng tre, bạch đàn, xà cừ đến năm 2009 thì thu hoạch bạch đàn. Còn lại một số cây bị đổ, một số cây ông Nguyễn Văn L đã chặt hết. Quá trình sử dụng ông đã đi kê khai để xin cấp GCNQSDĐ nhưng UBND xã T1 trả lời thửa đất trên đã được cấp cho ông Nguyễn Văn L từ năm 1995. Căn cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm:

- Tờ bản đồ số 02 thôn T - T5 lập tháng 4 năm 1990 có ghi chữ “**M**” tại thửa đất số 172, diện tích 248m²;

- Sổ mục kê năm 2000 còn lưu tại UBND xã T1 tại số thứ tự thứ 3 có tên “**Nguyễn Văn M**” tại thửa đất số 172, diện tích 248m²;

- Những người làm chứng biết về nguồn gốc đất là: ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1953; ông Phạm Hồng K2, sinh năm 1938; ông Nguyễn Văn V4, sinh năm 1944; đều có địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện Y, tỉnh V.

[2.2]. Theo bị đơn ông Nguyễn Văn L cho rằng: Vào khoảng những năm 1980, 1981 gia đình ông có thỏa thuận và nhận chuyển nhượng của cụ M3 là người cùng xóm một thửa đất ao (cụ M3 đã chết). Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông đã tiến hành thả cá và sử dụng từ những năm đó đến nay, có đóng thuế cho nhà nước và sau đó gửi hồ sơ và giấy tờ mua bán đến UBND xã T1 để thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 05 tháng 12 năm 1995 ông đã được UBND huyện V3 (nay là UBND huyện Y) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E171457 diện tích 248m². Hiện ông không còn lưu giữ tài liệu nào liên quan đến việc mua bán chuyển nhượng thửa đất trên với cụ M3.

[3]. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ về thửa đất các bên đang tranh chấp, gồm có:

- Sổ mục kê ngoài bìa sổ có ghi năm 2000 lưu tại UBND xã T1: tại trang số 17, tờ bản đồ 02, dòng thứ 3 có ghi: Thửa đất số 172, tờ bản đồ 02, diện tích 248m²; chủ sử dụng đất: **Nguyễn Văn M**, diện tích 248m² trong đó 200m² đất ở và 48m² đất vườn;

- Sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã T1 quyền số 01, tờ 22, trang 43, có ghi ở số thứ tự 2125: số GCNQSDĐ E0171457 cấp ngày 15 tháng 12 năm 1995, tên chủ sử dụng: **Nguyễn Văn L**, thửa đất số 172, tờ bản đồ 02, diện tích 248m²;

- Theo bản đồ thổ cư thôn T (*bản đồ màu xanh*) lập tháng 4 năm 1990 đã được UBND xã T1 và ban quản lý ruộng đất xã T1, huyện V3 duyệt công nhận, có thể hiện thửa đất số 172, tờ bản đồ 02, diện tích 248m² thôn T, xã T1, huyện Y (không thể hiện tên chủ sử dụng đối với tất cả các thửa đất trong tờ bản đồ này).

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm phía nguyên đơn xuất trình tờ bản đồ số 02 thôn T - T5 lập tháng 4 năm 1990 có ghi chữ “**M**” tại thửa đất số 172, diện tích 248m² và cho rằng tờ bản đồ này do cơ quan đo đạc can về để tiện theo dõi. Tờ bản đồ này có rất nhiều lỗi sửa chữa, tẩy xóa và không có xác nhận của cơ quan quản lý ruộng đất thời điểm đó. Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành ủy thác cho Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ, bằng biện pháp lấy lời khai của cán bộ quản lý ruộng đất thời kỳ 1989 -1994 là ông Nguyễn Văn N1, ông N1 trình bày trong thời gian công tác không thấy ông M và ông L xảy ra tranh chấp đất đai, sau đó đến ông Nguyễn Văn K3 (hiện là chủ tịch UBND xã T1)

phụ trách. Ông K3 cũng khẳng định từ năm 1995 đến năm 2017 giữa ông M, ông L không có tranh chấp; việc lập bản đồ can vế năm 1990 là để tiện theo dõi đối với những người dân không ở ổn định trên đất thì không chính xác và bản đồ này không phải là cơ sở để quy chủ sử dụng, ngoài ra tờ bản đồ can vế được các cán bộ địa chính ở nhiều thời kỳ sử dụng nên có nhiều chữ viết thêm lên các thửa đất chưa có tên, trong đó có thửa đất ghi tên ông M; Tại thời điểm năm 1994-1995 dựa trên cơ sở người trực tiếp đang sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, không lấn chiếm đất công thì UBND xã thông báo cho các gia đình đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Lấy lời khai của những người làm chứng là cán bộ phụ trách địa chính và những người dân sống gần thửa đất tranh chấp (trong đó có một số người có quan hệ họ hàng với ông M và ông L) đều không biết nguồn gốc thửa đất tranh chấp; ông Nguyễn Văn H4, ông Nguyễn Văn N2 xác nhận thời gian trước ông M có trồng một dây tre ven thửa đất; Ngoài ra ông N2 còn trình bày nguồn gốc thửa đất tranh chấp là đất ruộng của cụ L3 (anh trai cụ T6) sau đó cho cụ T6 sử dụng và nghe nói sau đó cụ T6 có bán cho ông L. Đến ngày 12/4/2022 ông N2 lại có văn bản hủy bỏ lời khai trên.

Từ những chứng cứ trên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Ông Nguyễn Văn M khởi kiện cho rằng thửa đất số 172, diện tích 248m² tờ bản đồ số 02 thôn T có nguồn gốc là đất của gia đình ông và có thời gian gia đình ông sử dụng đất. Theo tài liệu, chứng cứ đã thu thập thể hiện có một thời gian bố ông M, ông M trồng một dây tre ven thửa đất, tuy không xác định được chính xác thời gian nhưng có căn cứ xác định sau đó ông M không sử dụng đất, không thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất và không đăng ký kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, từ thời điểm ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 đến trước năm 2017 giữa hai bên không xảy ra tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M có xuất trình đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai (bản phô tô) ngày 05/4/2005 nhưng không có xác nhận về việc nhận đơn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Gia đình ông L là người sử dụng đất ổn định, quá trình sử dụng ông L thả cá sau đó lấp ao, cho con trai là các anh Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T3 xây dựng chuồng chim, chuồng lợn và kê khai để được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, kết quả ủy thác thu thập chứng cứ thể hiện do năm 1997 tách huyện V3 thành hai huyện Y và Vĩnh Tường. Khi tách huyện thì thủ tục bàn giao hồ sơ, sổ sách địa chính giữa hai huyện do thời gian lâu không còn lưu giữ. Tuy nhiên ông L là người quản lý sử dụng thửa đất tranh chấp trước năm 1993, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 gia đình ông L đang sử dụng đất nên ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp với thực tế cũng như quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội rút kháng nghị đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ. Từ đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị sửa bản án sơ thẩm của người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do ông Nguyễn Văn M là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Từ những nhận định trên căn cứ khoản 2 Điều 289, điểm a khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V; Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh V.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn M được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh V;
- VKSND tỉnh V;
- Cục THADS tỉnh V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà